TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Cao Bằng, ngày 18 tháng 02 năm 2020

ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH KHÓA 58 (Hòa An)
Hình thức đào tạo: Không tập trung
Thời gian học từ ngày 13/5/2019 đến ngày 20/02/2020

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	Lê Thị Lan Anh	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
2	Hoàng Thị Ánh	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
3	Vi Văn Báu	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
4	Lương Thị Bắc						Thôi học
5	Trương Thúy Bình	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
6	Nông Thị Cúc	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
7	Nông Thị Cúc	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
8	Đoàn Minh Chính	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
9	Nguyễn Đức Hồng	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
10	Đào Văn Dình	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
11	Hoàng Thị Kim Dung	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
12	Hoàng Thị Dương	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
13	Chu Phương Đức	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
14	Hà văn Đức	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
15	Hoàng Thị Bằng Giang	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
16	Đàm Văn Hải	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
17	Lục Thanh Hải	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
18	Vi Thị Hạnh	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
19	Dương Thị Hằng	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
20	Nguyễn Hồng Hoàng	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
21	Lương Thị Diệp	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
22	Bế Ích Hợp	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
23	Dương Văn Huân	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
24	Đinh Như Huế	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
25	Nguyễn Thị Huế	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
26	Đỗ Thị Huyên	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
27	Lê Thu Huyền	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
28	Lục Thị Lan Hương	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
29	Nông Thị Hương	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt	
30	Phương Lan Hương	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
31	Vi Thị Hường	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
32	Bế Thị Hương Lan	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
33	Sầm Thị Lan	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
34	Đoàn Thu Lành	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
35	Lãnh Bích Liên	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
36	Phương Thùy Linh	4,00	4,00	1,50	8,00	Tốt	
37	Nguyễn Khánh Lương	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
38	Long Thị Nết	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt	
39	Lã Hồng Ninh	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
40	Trần Thị Bích Nga	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt	
41	Lô Thị Ngà	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
42	Nguyễn Hồng Ngân	3,00	4,00	2,00	9,00	Tốt	
43	Nông Văn Phiên	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt	
44	Trương Thị Bích Phượng	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt	
45	Vi Hồng Quân	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt	
46	Nông Thanh Sơn	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt	
47	Quách Thị Thanh Tâm	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt	
48	Đàm Văn Tỷ	3,00	4,00	2,00	9,00	Tốt	
49	Mã Ngọc Thái	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
50	Nông Văn Thắng	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt	
51	Nguyễn Thị Thiêm	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt	
52	Vũ Quốc Thịnh						Thôi học

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
53	Linh Thị Lương Thục	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
54	Lê Hải Thùy	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
55	Lương Thị Thủy	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
56	Nguyễn Thị Thuyết	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
57	Nguyễn Thị Thư	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
58	Tô Vũ Thường	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
59	Nguyễn Thu Trang	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
60	Đinh Văn Trình	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
61	Âu Văn Trước	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
62	Nông Thị Viên	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
63	Lục Văn Viện	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
64	Triệu Quốc Việt	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
65	Trương Thúy Vinh	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
66	Linh Quang Vũ	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
67	Triệu Văn Vỹ	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
68	Lục Thị Xoan	4,00	4,00	1,50	9,50	Tốt	
69	Nguyễn Thị Xuyến	4,00	4,00	2,00	10,00	Tốt	
70	Mạc Thị Yến	3,00	4,00	1,50	8,50	Tốt	

GHI ĐIỂM

Hoàng Ngọc Mai

PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Việt Hưng

HIỆU TRƯỞNG

BẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIỐNG
TỈNH ỦY CAO BẰNG

Trịnh Thị Ánh Hoa